

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH****ĐẾN**

Số: 17617

Giờ: Ngày 14 tháng 5 năm 13

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2,360,292,489,884	2,321,042,641,597
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	6,987,054,096	27,875,810,695
1. Tiền		111		6,987,054,096	27,875,810,695
2. Các khoản tương đương tiền		112			-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		862,883,735,180	823,630,805,013
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	862,883,735,180	823,630,805,013
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		766,738,083,070	636,535,254,500
1. Phải thu khách hàng		131	V.3	636,494,057,138	526,065,356,386
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	72,525,383,323	62,162,293,766
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134			-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.5	59,267,124,880	49,856,086,619
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	(1,548,482,271)	(1,548,482,271)
IV. Hàng tồn kho		140		660,504,497,565	764,414,655,942
1. Hàng tồn kho		141	V.7	716,982,879,218	827,827,490,574
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(56,478,381,653)	(63,412,834,632)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		63,179,119,973	68,586,115,447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	597,077,483	539,540,533
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		26,870,501,429	31,409,583,677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.22	1,235,509,579	352,310,342
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157			-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.10	34,476,031,482	36,284,680,895

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		572,605,975,495	561,937,473,538
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			-
4. Phải thu dài hạn khác	218			-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II. Tài sản cố định	220		391,118,374,922	380,361,705,424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	319,851,928,771	314,158,130,687
<i>Nguyên giá</i>	222		614,066,692,630	590,280,999,025
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(294,214,763,859)	(276,122,868,338)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
<i>Nguyên giá</i>	225			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	50,235,600,445	50,244,239,045
<i>Nguyên giá</i>	228		51,757,172,240	51,703,029,840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,521,571,795)	(1,458,790,795)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	21,030,845,706	15,959,335,692
III. Bất động sản đầu tư	240			-
<i>Nguyên giá</i>	241			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		137,725,506,306	138,457,388,108
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	140,451,742,690	140,257,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	8,274,192,849	9,200,574,651
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(11,000,429,233)	(11,000,429,233)
V. Tài sản dài hạn khác	260		43,762,094,267	43,118,380,006
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	42,558,632,642	41,914,918,381
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,203,461,625	1,203,461,625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,932,898,465,379	2,882,980,115,135

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,667,152,788,998	1,662,998,091,207
I. Nợ ngắn hạn	310		1,667,152,788,998	1,662,998,091,207
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,215,283,215,561	1,195,139,342,758
2. Phải trả người bán	312	V.20	210,065,988,483	188,475,477,191
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	6,082,940,357	8,172,039,188
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	7,081,229,358	16,790,816,810
5. Phải trả người lao động	315	V.23	33,347,316,279	30,600,152,260
6. Chi phí phải trả	316	V.24	6,302,238,353	16,568,749,962
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	99,367,219,441	113,001,379,372
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	46,522,641,166	51,150,133,666
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330			-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333			-
4. Vay và nợ dài hạn	334			-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,265,745,676,381	1,219,982,023,928
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,265,745,676,381	1,219,982,023,928
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	475,112,730,000	475,112,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	637,038,161,736	591,274,509,283
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	432			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,932,898,465,379	2,882,980,115,135

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		106,671.95	921,396.45
Euro (EUR)		281.97	284.70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 4 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,096,597,003,988	882,076,375,692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3,954,166,365	156,096,940
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,092,642,837,623	881,920,278,752
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	982,079,217,355	782,581,703,168
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110,563,620,268	99,338,575,584
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24,147,501,820	11,435,278,333
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13,109,334,108	19,773,173,936
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12,419,224,922	15,469,511,646
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	53,660,674,451	41,942,121,481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,440,059,347	7,870,090,681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57,501,054,182	41,188,467,819
11. Thu nhập khác	31	VI.7	113,472,000	36,651,355
12. Chi phí khác	32	VI.8	409,960,616	795,967,361
13. Lợi nhuận khác	40		(296,488,616)	(759,316,006)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57,204,565,566	40,429,151,813
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	11,440,913,113	7,277,247,326
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45,763,652,453	33,151,904,487
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 25 tháng 4 năm 2013



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57,204,565,566	40,429,151,813
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	18,154,676,521	14,425,145,571
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.16	(6,934,452,979)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(21,317,800,855)	1,866,349,360
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12,419,224,922	15,469,511,646
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59,526,213,175	72,190,158,390
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(103,261,965,572)	34,375,511,226
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		110,844,611,356	(65,347,297,248)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9,016,464,063)	26,060,236,660
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(701,251,211)	(1,146,446,939)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4,V.24	(12,667,872,251)	(16,339,798,108)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(20,353,496,701)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		143,852,000	1,556,512,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4,838,805,500)	(12,266,521,119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19,674,821,233	39,082,354,862
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13,VII	(23,616,703,125)	23,774,021,822
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(105,552,930,167)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67,226,381,802	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14,VII	(194,500,000)	(21,336,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	1,430,300,855	(1,866,349,360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60,707,450,635)	571,672,462

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	1,238,818,633,951	187,709,831,805
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(1,218,674,761,148)	(504,296,257,756)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>20,143,872,803</u>	<u>(316,586,425,951)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<u>(20,888,756,599)</u>	<u>(276,932,398,627)</u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	27,875,810,695	294,581,518,046
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		-	437,008,904
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	V.1	<u>6,987,054,096</u>	<u>18,086,128,323</u>

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 25 tháng 4 năm 2013

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2013 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	2.135.600.181	2.550.644.567
Tiền gửi ngân hàng	4.851.453.915	25.325.166.128
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>6.987.054.096</u>	<u>27.875.810.695</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	738.217.050.780	738.217.050.780
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	124.666.684.400	85.413.754.233
Cộng	<u>862.883.735.180</u>	<u>823.630.805.013</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 600 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	13.123.577.516	15.708.435.457
Các khách hàng nước ngoài	623.370.479.622	510.356.920.929
Cộng	<u>636.494.057.138</u>	<u>526.065.356.386</u>

Một số khoản phải trị giá 45 tỷ đồng đã được thế chấp cho các khoản vay của Ngân Hàng HSBC – Chi nhánh TPHCM

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	61.968.195.400	60.446.825.826
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	10.557.187.923	1.715.467.940
Cộng	<u>72.525.383.323</u>	<u>62.162.293.766</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu tiền hàng thu hộ	16.338.419.354	13.993.287.253
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu nguyên vật liệu cho mượn	-	12.014.280.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	2.080.359.673	2.080.359.673
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) - phải thu tiền hàng thu hộ	-	1.134.084.600
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - phải thu tiền hàng xuất khẩu ủy thác	3.445.367.760	3.351.641.760
Lãi tiền gửi ngân hàng	37.095.833.333	17.208.333.333
Các khoản phải thu khác	307.144.760	74.100.000
Cộng	<u>59.267.124.880</u>	<u>49.856.086.619</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	475.628.208	475.628.208
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.072.854.063	1.072.854.063
Cộng	<u>1.548.482.271</u>	<u>1.548.482.271</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	42.843.196.000
Nguyên vật liệu	88.893.628.019	61.535.215.170
Công cụ, dụng cụ	3.125.826.406	2.557.566.625
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	331.939.827.162	385.020.665.825
Thành phẩm	293.015.157.363	328.401.709.990
Hàng hóa	8.440.268	35.117.252
Hàng gửi đi bán	-	7.434.019.712
Cộng	<u>716.982.879.218</u>	<u>827.827.490.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 82.490.400.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh và ngân hàng HSBC – Chi nhánh TPHCM.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu kỳ	63.412.834.632
Hoàn nhập dự phòng	(6.934.452.979)
Số cuối kỳ	56.478.381.653

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ dụng cụ

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng	34.367.777.482	33.584.680.895
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	108.254.000	2.700.000.000
Cộng	34.476.031.482	36.284.680.895

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	225.308.859.595	352.871.266.919	10.907.497.041	1.193.375.470	590.280.999.025
Tăng trong kỳ	18.153.784.825	5.631.908.780	-	-	23.785.693.605
Đầu tư XDCC	1.681.228.556	4.830.618.839	-	-	6.511.847.395
Mua sắm mới	16.472.556.269	801.289.941	-	-	17.273.846.210
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	243.462.644.420	358.503.175.699	10.907.497.041	1.193.375.470	614.066.692.630
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	56.239.572.247	213.970.736.987	4.997.963.166	914.595.938	276.122.868.338
Khấu hao trong kỳ	6.082.595.428	11.645.056.405	326.330.273	37.913.415	18.091.895.521
Giảm khấu hao	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	62.322.167.675	225.615.793.392	5.324.293.439	952.509.353	294.214.763.859
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	169.069.287.348	138.900.529.932	5.909.533.875	278.779.532	314.158.130.687
Số cuối kỳ	181.140.476.745	132.887.382.307	5.583.203.602	240.866.117	319.851.928.771

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 307.325.401.913 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	51.027.800.050	675.229.790	51.703.029.840
Mua trong kỳ	54.142.400	-	54.142.400
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	51.081.942.450	675.229.790	51.757.172.240
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	926.761.551	532.029.244	1.458.790.795
Khấu hao trong kỳ	52.458.201	10.322.799	62.781.000
Số cuối kỳ	979.219.752	542.352.043	1.521.571.795
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	50.101.038.499	143.200.546	50.244.239.045
Số cuối kỳ	50.102.722.698	132.877.747	50.235.600.445

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	14.292.825.909	7.255.824.645	(2.108.928.556)	19.439.721.998
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	1.666.509.783	-	(75.386.075)	1.591.123.708
Cộng	15.959.335.692	7.255.824.645	(2.184.314.631)	21.030.845.706

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	6.945.375	52.003.709.506	6.945.375	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾		8.651.533.184		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		79.300.000.000		79.300.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)		302.000.000		302.000.000
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v)		194.500.000		-
Cộng		140.451.742.690		140.257.242.690

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 21 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 69.453.749.913 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 01 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 302.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.698.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 02 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 68.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 194.500.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 67.805.500.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư khoản lỗ của các Công ty con.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	32.317.994.248	3.501.150.303	(2.279.168.992)	33.539.975.559
Tiền thuê đất	9.596.924.133	-	(578.267.050)	9.018.657.083
Cộng	41.914.918.381	3.501.150.303	(2.857.436.042)	42.558.632.642

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	4.950.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱⁱ⁾	113.410.430.328	41.656.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.015.492.947.651	1.055.450.122.563
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	37.490.400.000	98.033.220.195

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>		
- Ngân hàng HSBC TP. Hồ Chí Minh ^(v)	43.939.437.582	-		
Cộng	<u>1.215.283.215.561</u>	<u>1.195.139.342.758</u>		
<p>(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 3.</p>				
<p>(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động.</p>				
<p>(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.</p>				
<p>(iv) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho và cam kết của Bà Trương Thị Lệ Khanh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.</p>				
<p>(v) Khoản vay Ngân hàng HSBC - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho trị giá 45 tỷ đồng và một số khoản phải thu trị giá 45 tỷ đồng.</p>				
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:				
Số đầu năm	1.195.139.342.758			
Số tiền vay phát sinh	1.238.818.633.951			
Số tiền vay đã trả	<u>(1.218.674.761.148)</u>			
Số cuối năm	<u>1.215.283.215.561</u>			
20. Phải trả người bán				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>		
Các nhà cung cấp trong nước	207.391.947.840	185.852.797.892		
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.674.040.643	2.622.679.299		
Cộng	<u>210.065.988.483</u>	<u>188.475.477.191</u>		
21. Người mua trả tiền trước				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>		
Các khách hàng trong nước	3.513.094.616	1.025.569.698		
Các khách hàng nước ngoài	2.569.845.741	7.146.469.490		
Cộng	<u>6.082.940.357</u>	<u>8.172.039.188</u>		
22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.328.125.789	(12.328.125.789)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(300.710.342)	136.383.827	(51.873.939)	(216.200.454)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.603.438.145	11.440.913.113	(20.353.496.701)	6.690.854.557
Thuế thu nhập cá nhân	1.187.378.665	568.835.047	(1.365.838.911)	390.374.801
Tiền thuê đất	-	-	(297.949.125)	(297.949.125)
Các loại thuế khác (*)	(51.600.000)	3.000.000	(672.760.000)	(721.360.000)
Cộng	16.438.506.468	24.477.257.776	(35.070.044.465)	5.845.719.779

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	05%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 03 và lương tháng 13 còn phải trả nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí lãi vay	1.775.788.624	1.813.526.626
Tiền thuê đất phải trả	-	2.659.206.667
Chi phí luật sư	-	5.165.344.000
Chi phí vận chuyển	889.814.500	3.144.895.440
Chi phí khác	3.636.635.229	3.785.777.229
Cộng	6.302.238.353	16.568.749.962

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ tức phải trả	28.260.000	28.260.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất	6.454.788.338	6.172.989.756

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
nghiep, kinh phí công đoàn		
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	6.751.947.099	1.983.775.356
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	84.291.314.990	103.191.208.579
Các khoản phải trả khác	1.840.909.014	1.625.145.681
Cộng	<u>99.367.219.441</u>	<u>113.001.379.372</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR9.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	46.049.652.308	(2.031.400.000)	44.018.252.308
Quỹ phúc lợi	5.100.481.358	(2.596.092.500)	2.504.388.858
Cộng	<u>51.150.133.666</u>	<u>(4.627.492.500)</u>	<u>46.522.641.166</u>

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu kỳ	475.112.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	591.274.509.283	1.219.982.023.928
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	45.763.652.453	45.763.652.453
Số dư cuối kỳ này	<u>475.112.730.000</u>	<u>190.492.000.000</u>	<u>(36.897.215.355)</u>	<u>637.038.161.736</u>	<u>1.265.745.676.381</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.511.273	47.511.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.511.273	47.511.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.511.273	47.511.273
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.312.523	46.312.523
- Cổ phiếu phổ thông	46.312.523	46.312.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Tổng doanh thu	1.096.597.003.988	882.076.375.692
- Doanh thu bán hàng hóa	290.767.081.961	145.659.035.981
- Doanh thu bán thành phẩm	674.968.396.633	602.789.528.350
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.998.790.658	10.816.662.982
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.008.954.506	1.426.444.545
- Doanh thu bán phụ phẩm	120.853.780.230	121.384.703.834
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.954.166.365)	(156.096.940)
- Giảm giá hàng bán	(2.114.015.965)	(155.768.940)
- Hàng bán bị trả lại	(1.840.150.400)	(328.000)
Doanh thu thuần	<u>1.092.642.837.623</u>	<u>881.920.278.752</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	290.759.795.561	145.502.939.041
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	671.021.516.668	602.789.528.350
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8.998.790.658	10.816.662.982
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	1.008.954.506	1.426.444.545
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	120.853.780.230	121.384.703.834

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Giá vốn hàng hóa	280.401.794.862	137.246.859.476
Giá vốn thành phẩm	584.877.403.793	528.854.185.279
Giá vốn nguyên liệu	982.064.077	1.385.389.811
Giá vốn phụ phẩm	115.817.954.623	115.095.268.602
Cộng	<u>982.079.217.355</u>	<u>782.581.703.168</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.887.500.000	198.916.667
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	150.302.527	165.399.475
Lãi tiền cho vay	247.429.241	-
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	1.182.871.614	1.667.432.693
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.679.398.438	9.403.529.498
Cộng	<u>24.147.501.820</u>	<u>11.435.278.333</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Chi phí lãi vay	12.419.224.922	15.469.511.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	690.109.186	4.303.662.290
Cộng	<u>13.109.334.108</u>	<u>19.773.173.936</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Chi phí nhân viên	1.603.210.665	1.605.543.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.534.923	12.146.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.430.512.075	26.511.094.808
Chi phí khác	22.608.416.788	13.813.337.317
Cộng	<u>53.660.674.451</u>	<u>41.942.121.481</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.464.046.316	4.377.652.955
Chi phí đồ dùng văn phòng	278.464.607	395.651.731
Chi phí khấu hao TSCĐ	759.321.396	712.925.656
Thuế, phí và lệ phí	301.549.595	157.771.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.897.000	8.856.000
Chi phí khác	4.414.780.433	2.217.232.431
Cộng	<u>10.440.059.347</u>	<u>7.870.090.681</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Thu nhập khác	113.472.000	36.651.355
Cộng	<u>113.472.000</u>	<u>36.651.355</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý I/2013</u>	<u>Quý I/2012</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	7.473.781	-
Chi phí khác	402.486.835	795.967.361
Cộng	<u>409.960.616</u>	<u>795.967.361</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

Công ty cam kết với Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh sẽ nắm giữ quyền sở hữu tối đa và quyền kiểm soát Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 khi Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có dư nợ vay tại Ngân hàng này.

Ngoài ra, Công ty cũng bảo đảm trả nợ cho khoản vay của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (bên được bảo lãnh) tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 40 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Quý I/2013</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Mua nguyên vật liệu	7.507.663.400
Bán hàng hóa	1.347.810
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên vật liệu	667.299.400
Bán hàng hóa	98.320.114

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	18.409.899.798	18.361.247.350
Các cá nhân có liên quan	103.236.120	-
Cộng nợ phải thu	18.513.135.918	18.361.247.350
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.466.339.200	348.033.320
Các cá nhân có liên quan	667.299.400	5.019.916.900
Cộng nợ phải trả	6.133.638.600	5.367.950.220

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý I/2013</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	
Mua hàng hóa, dịch vụ	233.728.055.480
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thành phẩm	216.343.885.684
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	
Mua hàng hóa	833.214.286

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý I/2013
Cho vay ngắn hạn	105.552.930.167
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	
Bán thành phẩm, hàng hóa	360.870.543.900
Bán hàng ủy thác xuất khẩu	87.513.439.782
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.544.134.805
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, DV, thành phẩm	3.091.173.463
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	3.445.367.760
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	7.803.325.795
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, DV	8.870.036.961
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	149.331.090.829
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	26.575.957.314

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu nguyên vật liệu cho mượn	-	12.014.280.000
Phải thu tiền hàng thu hộ	16.338.419.354	13.993.287.253
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Phải thu tiền cho vay	124.666.684.400	85.413.754.233
Phải thu lãi cho vay	2.080.359.673	2.080.359.673
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	740.756.616	1.615.631.616
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	481.850.632.766	324.366.303.454
Phải thu tiền hàng thu hộ		1.134.084.600
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng	422.556.565	-
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	3.445.367.760	3.351.641.760
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	-	1.748.081.409
Cộng nợ phải thu	629.544.777.134	445.717.423.998
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải trả tiền hàng	108.461.332.945	117.302.513.016
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải trả tiền chi hộ	1.874.520	138.735.040
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	6.751.947.099	1.983.775.356
Phải trả tiền hàng	-	1.585.592.652
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền hàng	9.853.409.015	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	84.291.314.990	103.191.208.579
Cộng nợ phải trả	209.359.878.569	224.201.824.643

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 04 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc